

BỘ ĐẶT THỜI GIAN ON DELAY, BẢN DẪN SOLID STATE, DIN W48X48MM

■ Đặc điểm

- DIN W48×H48mm
- Cài đặt định thời đơn giản và dễ dàng
- Hiệu quả kinh tế
- Cài đặt thời gian dễ dàng
- Dải thời gian rộng
- Nguồn cấp
- ATE: 110/220VAC 50/60Hz
- ATE1, ATE2: 110VAC, 220VAC 50/60Hz, 12VDC, 24VDC



⚠ Vui lòng đọc kỹ “Chú ý an toàn cho bạn” trong hướng dẫn hoạt động trước khi sử dụng thiết bị.

■ Thông tin đặt hàng

ATE	□	-	10	S
				Đơn vị
				Dài thời gian
				Ngõ ra
				Mã/Tên sản phẩm

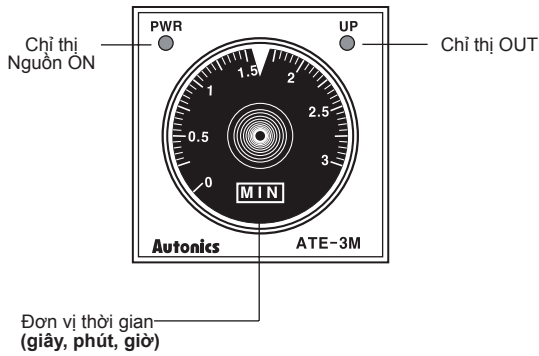
S	Giây (1, 3, 6, 10, 30, 60)
M	Phút (3, 6, 10, 30, 60)
H	Giờ (3, 6, 12, 24)
Số	Dài thời gian Max.
Đề trống	Giới hạn thời gian SPDT(1c), Tức thời SPST(1a)
1	Giới hạn thời gian DPDT(2c)
2	Giới hạn thời gian SPDT(1c), Tức thời SPDT(1c)
ATE	Bộ đặt thời gian ON Delay

■ Thông số kỹ thuật

Mã sản phẩm	ATE -	<input type="checkbox"/> S <input type="checkbox"/> M <input type="checkbox"/> H	ATE1 -	<input type="checkbox"/> S <input type="checkbox"/> M <input type="checkbox"/> H	ATE2 -	<input type="checkbox"/> S <input type="checkbox"/> M <input type="checkbox"/> H
Chức năng	Power ON Delay					
Dài cài đặt thời gian điều khiển	Giây (1, 3, 6, 10, 30, 60), Phút (3, 6, 10, 30, 60), Giờ (3, 6, 12, 24)					
Nguồn cấp	110/220VAC 50/60Hz		110VAC, 220VAC 50/60Hz, 12VDC, 24VDC(tùy chọn)			
Dải điện áp cho phép	90~110% Dải điện áp định mức					
Công suất tiêu thụ	Max. 10VA (110/240VAC 60Hz), Max. 2W (24VDC, 12VDC)					
Thời gian Reset	Max. 200ms					
Hoạt động định thời	Start nguồn ON					
Ngõ ra điều khiển	Loại tiếp điểm	Giới hạn thời gian SPDT(1c), Tức thời SPST(1a)		Giới hạn thời gian DPDT(2c)		Giới hạn thời gian SPDT(1c), Tức thời SPDT(1c)
	Công suất tiếp điểm	Tải thuần trở 250VAC 3A				
Tuổi thọ Relay	Cơ khí	Min. 10,000,000 lần hoạt động				
	Điện	Min. 100,000 lần hoạt động (Tải thuần trở 250VAC 3A)				
Sai số lặp lại	Max. ±0.3%					
Sai số cài đặt	Max. ±5%±0.05 giây					
Sai số điện áp	Max. ±0.5%					
Sai số nhiệt độ	Max. ±2%					
Trở kháng cách ly	100MΩ (sóng kế mức 500VDC)					
Độ bền điện môi	2000VAC 50/60Hz trong 1 phút					
Chịu nhiễu	Nhiều sóng vuông ±2kV (độ rộng xung: 1μs) gây bởi nhiễu máy móc					
Chấn động	Cơ khí	Biên độ 0.75mm ở tần số 10~55Hz (trong 1 phút) theo mỗi phương X, Y, Z trong 1 giờ				
	Sự cố	Biên độ 0.5mm ở tần số 10 to 55Hz (trong 1 phút) theo mỗi phương X, Y, Z trong 10 phút				
Va chạm	Cơ khí	300m/s ² (khoảng 30G) theo mỗi phương X, Y, Z trong 3 lần				
	Sự cố	100m/s ² (khoảng 10G) theo mỗi phương X, Y, Z trong 3 lần				
Môi trường	Nhiệt độ môi trường	-10~55°C, bảo quản: -25~65°C				
	Độ ẩm môi trường	35~80%RH				
Trọng lượng	Khoảng 75g					

※Không dùng sản phẩm trong môi trường ngưng tụ hoặc đông đặc.

■ Mô tả từng phần



■ Dải thời gian cài đặt

Thời gian cài đặt Max.	Dải cài đặt
1 giây	0~1 giây
3 giây	0~3 giây
6 giây	0~6 giây
10 giây	0~10 giây
30 giây	0~30 giây
60 giây	0~60 giây
3 phút	0~3 phút
6 phút	0~6 phút
10 phút	0~10 phút
30 phút	0~30 phút
60 phút	0~60 phút
3 giờ	0~3 giờ
6 giờ	0~6 giờ
12 giờ	0~12 giờ
24 giờ	0~24 giờ

■ Chế độ hoạt động ngõ ra

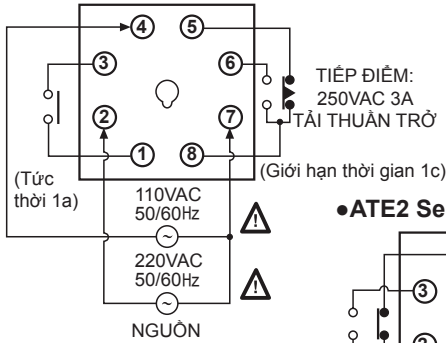
t : Thời gian cài đặt , Rt : Thời gian Reset

Model	Biểu đồ thời gian
ATE	
ATE1	
ATE2	

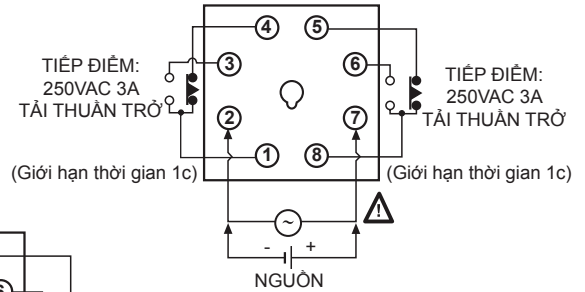
- (A) Photo electric sensor
- (B) Fiber optic sensor
- (C) Door/Area sensor
- (D) Proximity sensor
- (E) Pressure sensor
- (F) Rotary encoder
- (G) Connector/ Socket
- (H) Temp. controller
- (I) SSR/ Power controller
- (J) Counter
- (K) Timer
- (L) Panel meter
- (M) Tacho/ Speed/ Pulse meter
- (N) Display unit
- (O) Sensor controller
- (P) Switching mode power supply
- (Q) Stepper motor& Driver&Controller
- (R) Graphic/ Logic panel
- (S) Field network device
- (T) Software
- (U) Other

■ Kết nối

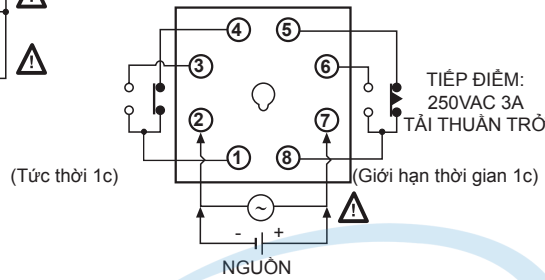
• ATE Series



• ATE1 Series

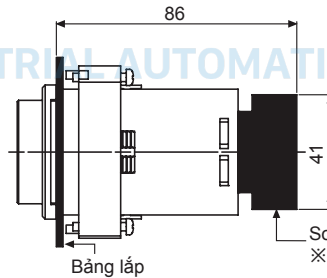
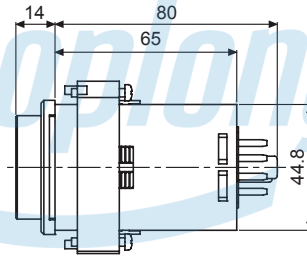
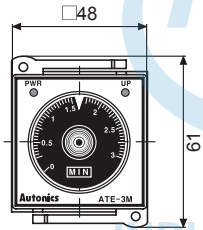
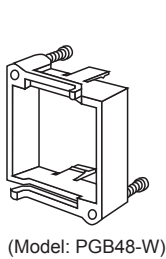


• ATE2 Series

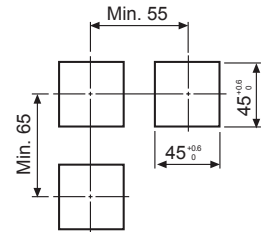


■ Kích thước

• Giá đỡ (được bán riêng)



• Mặt cắt bảng lắp (đơn vị: mm)



■ Hướng dẫn sử dụng

○ Môi trường

Hãy tránh dùng thiết bị trong những môi trường sau đây:

- Nơi thiết bị có thể hư hỏng do có nhiều chấn động hoặc va chạm.
- Nơi có khí gas ăn mòn hoặc khí dễ cháy nổ; nơi có nhiều nước, bụi, dầu, v.v....
- Nơi phát ra trường điện từ hoặc nhiễu điện mạnh.
- Nơi có nhiệt độ hoặc độ ẩm vượt quá dải thông số kỹ thuật định mức.
- Nơi có sử dụng môi trường a-xít hoặc kiềm tính mạnh.
- Nơi có ánh sáng mặt trời trực tiếp chiếu vào.

○ Nhiễu

- Chúng tôi đã kiểm tra ở 2kV với độ rộng xung 1 μ s đối với điện áp xung kích giữa các chân đầu nối nguồn và ở 1kV, với độ rộng xung 1 μ s tại nơi có nhiễu máy móc để chống lại điện áp nhiễu bên ngoài. Hãy lắp thêm tụ điện MP (0.1~1 μ F) hoặc tụ điện dầu giữa các chân đầu nối nguồn khi xảy ra vượt quá điện áp nhiễu bên ngoài.
- Kiểm tra độ bền điện môi, điện áp xung kích hoặc trở kháng cách ly của mạch điện khi đã lắp đặt thiết bị này vào bảng điều khiển.
- Cô lập thiết bị này khỏi bảng điều khiển.
- Ngắn mạch tất cả các chân của thiết bị. (Ngăn ngừa hư hỏng mạch bên trong)